

4) Trí ký-ức : Thời xưa, trong sự dạy dỗ trẻ-con, nhất là về môn Địa-lý, trí ký-ức được khai-thác triệt-đề, có thể nói là bị lạm-dụng. Về môn Địa-lý, trẻ con bị bắt buộc học thuộc lòng tất cả các danh-từ riêng về thành-thị, sông ngòi, núi non, tổng, quận, tỉnh và toàn bài nữa. Ngày nay thì không thế. Giáo-chức chỉ cho trẻ con học thuộc lòng những danh-từ, những điều cần-thiết mà thôi. Để thay thế sự học thuộc lòng phần từ-vựng địa-lý (nomenclature géographique) người ta đã tạo ra những dư-đồ thuộc các loại có đầy đủ chi tiết.

Điều cần yếu là nên lợi-dụng trí ký-ức của trẻ-con để tập chúng sớm biết vẽ các dư-đồ một mình.

E) NGUYÊN-TẮC ĐỊNH-HƯỚNG MÔN ĐỊA-LÝ.

Người ta có thể chia môn Địa-lý ra làm nhiều loại như sau :

Hình-thể Địa-lý học (géographie physique).

Kinh-tế Địa-lý học (géographie économique).

Chính-trị Địa-lý học (géographie politique).

Sử-ký Địa-lý học (géographie historique).

Trong các loại địa-lý chỉ có Hình-thể địa-lý học là căn-bản, là vì các loại kia đều là do đó mà ra cả. Trong Hình-thể địa-lý học lại có hai tiểu loại rất cần-thiết là :

Thủy-lộ-học (hydrographie) và

Sơn-nhạc-học (hydrographie).

F) VẤN-ĐỀ TƯỢNG-TRUNG ĐỊA-THỂ TRÊN DƯ-ĐỒ.

Xưa kia, trên bức dư-đồ người ta tượng-trung các dãy núi bằng những nét đen đậm như hình con sấu, hoặc hình xương cá. Như thế là sai. Một dãy núi, nào

phải một bức tường chặn đứng đàu. Một dãy núi hoặc lan rộng ra, hoặc thu hẹp lại, hoặc có chỗ cao, hoặc có chỗ thấp và cần được tượng trưng bằng những vết loang ra hoặc thu hẹp lại tùy chỗ với màu đất đậm để chỉ chỗ cao, màu đất lợt để chỉ chỗ thấp, màu xanh lá cây để chỉ bình nguyên, màu hồng để chỉ cao nguyên vân vân.

G) CÁC VÙNG THIÊN-NHIÊN.

Về phương-diện địa-lý, không nên chia một xứ ra nhiều lưu-vực của các con sông chảy ngang qua xứ ấy. Làm như thế là sai, bởi lẽ sau đây: một lưu-vực có thể gồm nhiều vùng đất đai khác nhau. Vậy tốt hơn là chia xứ ấy ra làm nhiều vùng thiên-nhiên là hơn. Mỗi vùng sẽ có một trạng-thái riêng biệt, những đặc-sắc về đất đai và khí-hậu. Sự phân chia này căn-cứ vào tính-chất và thể đất phục khởi gọi là địa-thế của xứ ấy.

H) PHƯƠNG-PHÁP ÁP-DỤNG KHI DẠY MÔN ĐỊA-LÝ.

Cách dạy môn Địa-lý cũng như cách dạy môn Quan-sát, là làm cho học-sinh thấy biết và hiểu rõ.

Thấy biết những biến-cổ Địa-lý tức là thấy những việc ấy một cách rõ-rệt, tự mình có thể hình-dung các biến-cổ ấy bằng trí tưởng-tượng và đặt đề các biến-cổ ấy trong không-gian.

Hiểu rõ các biến-cổ ấy, tức là tìm ra các nguyên-nhân và nhận-thức được sự tiến-triển các biến-cổ ấy và chính mình cho một giải-thích hợp-lý.

Vậy muốn cho học-sinh thấy biết và hiểu rõ các sự-kiện địa-lý, các biến-cổ, thì giáo-chức phải làm những việc như sau :

a) Đi từ sự quan-sát trực-tiếp các sự vật thực-tế hoặc

những hình-ảnh tượng-trung, những bài mô-tả các việc ấy một cách chính-xác và đơn-giản.

b) Làm cho học-sinh nhận-thức mối liên quan giữa các biến-cổ địa-lý và sự tiến-triển của các biến-cổ ấy.

c) Sự so-sánh cần phải nhiều giữa cái mà học-sinh biết và cái mà chúng chưa biết, giữa các biến-cổ đã xảy ra ở các xứ khác trên hoàn-cầu với một tỷ-lệ hệ-trọng khác nhau.

d) Về phần hình-thể địa-lý cũng như về phần nhân-văn địa-lý, cần soi sáng thời hiện-tại bằng thời dĩ-vãng.

e) Trong khi giảng bài mới, tránh sự lạm-dụng danh-từ địa-lý.

1^o) Cách dạy môn địa-lý bằng sự quan-sát trực-tiếp.

Đầu tiên, cho trẻ con học môn địa-lý trên khu đất mà hiện chúng đang sống. Nhờ thế mà chúng sẽ mến yêu khu đất ấy hơn nữa, nơi chôn nhau, nơi cất rốn của chúng.

Trẻ con được tự-tiện trực-tiếp quan-sát khu đất ấy, hoặc trong mấy lúc nhàn rỗi, hoặc trong các cuộc du-ngoạn dưới sự hướng dẫn của giáo-chức.

Giáo-chức cần có một tập riêng để ghi vào đó các chi-tiết cần thiết, vẽ họa-đồ, hình-ảnh.

Giáo-chức có thể cho đề bài tác-văn lấy sự mô-tả địa-phương làm căn-bản.

Vì có một số trẻ con đã có viếng toàn tổng, toàn quận, toàn tỉnh, cho nên giáo-chức có thể mở rộng phạm-vi bài học ra ngoài làng mạc được.

2^o) Cách dạy môn địa-lý bằng sự quan-sát gián-tiếp

Cách dạy môn Địa-lý trực-tiếp chỉ được áp-dụng cho một địa-phương nhỏ hẹp mà thôi. Nhưng học-sinh cần

hiều biết địa-lý hoàn-cầu. Về phương-diện này, chúng phải dùng những đồ vật (quả-cầu), hình ảnh dư đồ tượng-trung, đọc các sách, báo nói về vấn-đề ấy, xem các phim chiếu bóng v. v... Đó là cách dạy môn địa-lý gián-tiếp. Vậy giáo-chức cần phải có một tập tranh-ảnh, đồ-vật, sách báo cần-thiết, những hình-ảnh bằng thạch-cao, phim đứng, phim chiếu bóng (nếu có), các bảng thống-kê vân vân...

Giáo-chức cần dạy học-sinh cách xem và đọc một bản dư-đồ (tìm bốn hướng, hiểu rõ ý-nghĩa tỷ-lệ xích).

Tập chúng nhận-thức đúng một quãng đường trong dư-đồ và trên thực-tế.

3^o) Cách dạy môn Địa-lý bằng những bài văn mô tả.

Ở lớp nhì, lớp nhất, giáo-chức có thể cho học-sinh đọc những bài văn mô-tả những cảnh-vật địa-lý rất mặn mà, thích thú và bảo chúng diễn-tả lại theo ý chúng những điều mà chúng đã đọc.

Thay vì các bài văn mô-tả trích ở tác-phẩm các nhà địa-lý học, giáo-chức có thể dùng những tranh-ảnh, hình vẽ, hình nặn, hình chạm (điêu-khắc) v. v...

4^o) Các điều quan trọng trong bài địa-lý.

Đến giờ Địa-lý, giáo-chức không nên đọc bài trong sách hoặc bắt học-sinh đọc bài ấy trong sách giáo-khoa mà không có sự giải-thích nào. Giáo-chức phải tự mình giảng-bài. Giáo-chức sẽ đứng gần bản dư-đồ, cầm gậy nơi tay, vừa giảng vừa chỉ. Có khi vừa giảng bài, giáo-chức lại vừa vẽ dư-đồ thích-ứng với bài (dư-đồ được vẽ trước với những nét lu nếu giáo-chức vẽ không mau và không khéo). Dư-đồ được vẽ như thế sẽ rất đơn-giản và chỉ gồm có những chi-tiết cần-thiết cho bài học thôi. Giáo-chức phải chỉ cho học-sinh cách vẽ và cách lập tỷ-lệ-xích.

Không nên để học-sinh lấy giấy mỏng đặt lên dư-đồ

trong sách giáo-khoa đồ các nét bằng bút chì để rồi đồ lại trong tập vở. Việc làm như thế có tính-cách máy móc mà không ích-lợi gì.

Sau khi giảng bài xong, giáo-chức có thể lựa một vấn-đề địa-lý để làm đề-tài tác-văn.

Ở lớp nhì, học-sinh cần biết vẽ mô các dư-đồ trên bảng đen vì ngày thi chúng có thể bị gọi lên làm việc ấy trước đám đông.

Học-sinh cần có tập vở riêng để ghi-chép những điều đã thu-thập được trong các cuộc điều-tra hoặc quan-sát.

1) KẾT - LUẬN.

Lời chỉ-dẫn của Bộ Quốc-gia Giáo-dục về cách dạy môn địa-lý.

Mục-đích khoa-học Địa-lý ở các trường tiểu-học là dạy cho học-trò biết những điều cốt-yếu về nước Việt-Nam và các lân-bang, rồi đến những đại-thể về Ngũ-Đại-Châu.

Khoa địa-lý là một khoa nhận-xét, cần để học trò trực-tiếp với sự vật. Nhưng khi không có thể thì cho nhận xét tranh-ảnh, địa-đồ v.v... Do những sự nhận-xét, trẻ sẽ tìm ra những điều cần-thiết trong bài.

Trong những buổi đi chơi, ông thầy chỉ cho học-trò cái ao, sông cái, sông con, tả-ngạn, hữu-ngạn, cầu cống v.v... Những cái mắt thấy tai nghe sẽ in sâu vào trí nhớ. Những bài khô-khan trừu-tượng với những định-nghĩa phiền-phức tối-tâm rất có hại cho sự phát-triển của trí-khôn.

Khi không quan-sát trực-tiếp được, thì ông thầy lấy đất, cát, nước, làm thành những hình-thể mà học-trò chưa từng trông thấy. Trái đất sẽ tượng-trưng bằng quả địa-cầu bằng giấy, quả bưởi, quả bóng.

Ở những lớp đã có bài học, thầy giáo bao giờ cũng

cho quan-sát trước, rồi giải-thích sau. Cần dẫn học-trò từ chỗ gần đến chỗ xa, từ chỗ dễ đến chỗ khó.

Dù học Địa-lý tỉnh mình cho đến Địa-lý các nước khác, khi nào cũng phải có tranh ảnh, địa-đồ cho học-trò xem xét. Địa-đồ chỉ nên ghi những điều cần-thiết, nhiều khi chỉ vẽ địa-đồ cũng đủ, không cần ra bài, học-trò sẽ trông vào địa-đồ mà học.

Dạy Địa-lý cũng như dạy các môn học khác, không nên quên các mục-dịch thiết-thực. Những điều dạy sẽ phải có ích-lợi cho đời sống và phải có tinh-cách « giáo-duc công-dân ». Học-trò có hiểu địa-lý nước mình thì mới biết rõ công khai thác của tiền-nhân. Nhờ vậy lòng yêu nước, yêu nòi lại càng được phát-triển.

Trong lúc học địa-lý các nước lân-bang và Ngũ Đại-Châu, những chi tiết có tinh cách nhồi sọ phải bỏ hẳn mà chọn lấy những điều có tương-quan đến nước mình về kinh-tế, chính-trị và văn-hóa, những điều khiến học-trò phải so sánh nghĩ ngợi về khả-năng của nước mình để theo kịp người, hoặc vượt hơn người.

* * *

CHƯƠNG BỐN

KHOA-HỌC

Môn Khoa-học được chia ra làm nhiều môn phụ-thuộc như sau : Quan-sát, Thường-thức, Vệ-sinh — Canh-nông, Gia-chánh.

A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN KHOA-HỌC.

(Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình ngày 16.7-59).

Lớp Năm

Thường-thức (Quan-sát — Vệ-sinh) : 2 giờ 25'

Lớp Tư

Thường-thức (Quan-sát — Vệ-sinh) : 2 giờ 25'

Lớp Ba

Thường-thức (Quan-sát — Vệ-sinh) : 2 giờ 25'

Lớp Nhì (Nam-sinh)

Thường-thức và Vệ-sinh : 2 giờ 30'

Lớp Nhì (Nữ-sinh)

Thường-thức và Vệ-sinh : 2 giờ 30'

Lớp Nhất (Nam-sinh)

Thường-thức và Vệ-sinh : 2 giờ 30'

Lớp Nhất (Nữ -sinh)

Thường-thức và Vệ-sinh : 2 giờ 30'

B) CHƯƠNG-TRÌNH (Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình 1959).

Lớp Năm

Quan-sát. Dạy bằng quan-sát ở lớp hoặc trong buổi đi chơi những vật và hiện-tượng thường thấy hằng ngày. Khi nào cũng phải có vật-liệu, tranh-ảnh chỉ-dẫn rõ-ràng.

— Tay phải, tay trái, bên phải, bên trái. Giờ (đồng hồ), ngày, tuần-lễ, tháng, năm (quyền lịch). Các mùa. Phương-hướng. Trời.

Vệ-sinh. Dạy vệ-sinh bằng lối thực-hành, không bài.

Vệ-sinh về thân-thể. Thân-thể sạch-sẽ. Nên dùng xà-phòng. Cách rửa mặt, gội đầu, đánh răng. Tay sạch. Đừng dấp thắm nước miếng vào đầu ngón tay mà lật sách vở, đừng thắm nước miếng vào tẩy. Đừng ngậm đầu bút chì, cán bút ; không mó tay vào mắt. Cách ngồi đọc và viết cho khỏi hại ngực, hại mắt.

Vệ-sinh về ăn uống. Cách ăn uống : nhai cho kỹ, ăn có chừng và đúng bữa. Cách gìn giữ răng (đừng ăn đồ quá nóng hay quá lạnh). Đừng ăn trái cây xanh. Trước khi ăn phải rửa mặt, rửa tay. Nước uống phải trong sạch, nấu chín, đậy kín.

Vệ-sinh về lớp học và nhà trường.

Sách-vở sạch sẽ. Lớp học sạch sẽ và thoáng khí. Tập lau bảng đá, quét bụi, lau chùi bàn ghế. Giữ gìn sạch sẽ

sân-trường chung quanh trường, nhà vệ-sinh, nên đi tiêu phải chỗ.

Vệ-sinh về áo-quần. Áo-quần gọn-gàng, sạch-sẽ, nên dùng khăn tay.

LỚP TƯ

I.— Khoa-học.

A) Dạy bằng lối quan-sát.

— Thân-thể người ta. Các bộ phận chính bên ngoài.
Xương — Thịt — Da.

— Một vài con vật, một vài thứ cây cỏ thông-thường.

— Đất, đá, (cát, đất sét).

— Không khí; gió, bão.

— Giếng suối, khe, sông, biển.

— Các sản-phẩm kỹ-nghệ thông-thường. (Vải, giấy, gạch, ngói).

B) Vệ-sinh. Tập thực-hành những điều thông-thường về vệ-sinh thân-thể, ăn uống, áo quần, lớp học (bàn ghế, vách tường) nhà trường theo chương-trình lớp Năm.

Thêm : Vệ-sinh về nhà cửa.

C) Tập quan-sát một vài con vật tiêu-biểu cho từng loại: chó, mèo, trâu, (hay bò), ngựa, chuột hay thỏ, gà vịt, thằn lằn, rắn, ếch (hay cóc), cá, bướm-bướm, trai (hay sò, hến), ốc, giun (trùng). Các gia-súc, các dã-thú.

D) Các bộ phận chính của cây.

E) Phân. đất sét, cát, muối, than đá; Vài kim loại: sắt, kẽm, đồng, nhôm.

II.— Vệ-sinh : Nhắc lại và bổ-túc những điều đã học ở hai lớp dưới (bằng thực-hành).

Phòng-bị bệnh truyền-nhiễm (đùng khạc nhổ, trừ ruồi, muỗi, chấy, rận, tránh nơi ẩm thấp, cách đề-phòng các bệnh thông-thường).

Vệ-sinh về mắt, tai, về hô-hấp, tiêu-hóa, tuần-hoàn, bài-tiết. Bệnh đau mắt, bệnh ngoài da.

LỚP NHÌ

I. — Khoa-học.

A) Các phần của thân-thể : Ngũ-quan, Bộ xương, bắp thịt. Thần-kinh hệ (điều khiển-yếu). Tiêu-hóa, hô-hấp, tuần-hoàn, bài-tiết.

B) Phân chia ra các loài, lấy một con vật làm tiêu-biểu cho mỗi loài.

C) Các bộ-phận chính của cây và công-dụng của mỗi bộ-phận. Cách bón phân, săn-sóc và trồng cây.

D) Ít thứ đá thông-dụng (đá xanh, đá ong) và đá quý (cầm-thạch, kim-cương). Dầu hỏa Kim-loại thường dùng : gang, thép, thau, kẽm, chì, thiếc, và kim-loại quý (bạc, vàng, bạch-kim).

II. — Vệ-sinh. Nhắc lại những điều đã học ở các lớp dưới (thực-hành).

Vệ-sinh về ăn uống. Giữ-gìn đồ ăn, đồ uống. Hại về rượu, thuốc hút, thuốc phiện. Cách lọc nước. Cách đào giếng, xây giếng (tùy địa-thể mỗi nơi mà giảng giải). Bài trừ sự mê-tín về việc đào giếng.

Vệ-sinh về quần áo. Cách ăn mặc chỉnh-tề, cách giữ gìn quần áo. Tập giặt, là (ủi) quần áo, tập xếp quần áo. Tập đánh giầy, đánh mũ.

Vệ-sinh về nhà cửa. Nhà nên cất cao ráo, theo hướng gió. (Bài trừ lối lấy hướng theo mê-tín).

Rác rưởi và đồ thừa thải phải bỏ vào thùng có nắp dậy.

Phương-pháp sát trùng: Dùng nước vôi, vôi bột, crésyl, bột D.D.T (những chất độc này phải để xa đồ ăn).

Luật-lệ Cảnh-sát, vệ-sinh gia-súc. Trình-báo (khi gia-súc mắc phải bệnh truyền-nhiễm hoặc chết vì bệnh đó).

Nhốt riêng thú đau. Cấm dẫn thú đau đi uống nước nơi ao, đầm, sông, rạch, dùng cho súc vật khỏe.

Chôn xác loài vật chết (chôn sâu giữa 2 lớp vôi bột).

LỚP NHẤT

I. — Khoa-học.

A) Trọng-lực và trọng-lượng. Đòn bẩy. Các thứ cân.

B) Sự cháy — Áp-suất không-khí. Vài thứ bom. Phong-vũ biểu. (Nhân bài này giảng thêm về thủy-ngân.)

C) Sự luân-chuyển và biến-thể của nước thiên-nhiên (mây mưa). Sức đẩy của nước.

Ba trạng-thái của vật-thể và biến-thể của chúng.

Sự nở của các vật gặp nóng. Hàn thử biểu.

D) Đá nam-châm. La-bàn.

E) Điện. Công-dụng thông-thường của điện (đèn điện, bàn-là điện, và điện-lực).

Sự nguy hiểm của luồng điện.

II. — Vệ-sinh. Các bệnh thông-thường, nhưc đầu, sỏ mũi, đau bụng, đầy bụng, đi rửa, cảm, sốt.

Sơ lược về ký-sinh trùng.

Các bệnh hay lây : ghẻ, đau mắt, sởi (ban đỏ), đậu mùa, kiết-ly, dịch-tả, dịch-hạch, sốt rét, ho lao, thương hàn (ban cua). Bệnh chó dại. Bài trừ cách dùng thuốc nhảm.

C) TÍNH-CÁCH QUAN-TRỌNG CỦA MÔN KHOA-HỌC.

Môn khoa-học giúp trẻ con thu thập nhiều tri-thức cần-thiết và có một giá-trị giáo-dục lớn lao.

1^o) Môn Khoa-học giúp sự thu thập các tri-thức cần-thiết.

Trong vũ-trụ biết bao nhiêu hiện-tượng làm lạ mắt trẻ con khiến chúng luôn luôn đặt câu hỏi : « Tại sao thế này ? Tại sao thế kia ? » Các câu hỏi ấy chứng-minh tính hiếu-tri chính đáng của chúng. Tính hiếu-tri ấy chỉ có khoa-học mới làm thỏa mãn được. Môn khoa-học thường-thức sẽ giúp trẻ con có một vui thích về tinh-thần, đồng thời giúp chúng thu hái được những tri-thức thực-dụng rất có ích cho chúng mai sau này, nhất là sự giữ gìn sức khỏe của chúng trong mọi hoàn-cảnh.

2^o) Môn khoa-học có một giá-trị giáo-dục lớn lao.

A) MÔN KHOA-HỌC KÍCH-THÍCH ÓC QUAN-SÁT CỦA TRẺ CON.

Trẻ con sẽ tập quan-sát sự vật đúng phép, thấy những điều mà người thường trông không thấy.

B) MÔN KHOA-HỌC KIẾN-TOÀN SỰ GIÁO-DỤC NGŨ QUAN CỦA TRẺ. (Mắt, tai, mũi, lưỡi, tay sờ mó).

C) MÔN KHOA-HỌC GIÚP TRẺ CON CÓ MỘT TINH-THẦN KHOA-HỌC.

Nhờ môn này trẻ con tập tìm ra chân-lý trong mọi việc, ưa sự thật, tôn-trọng sự thật. Chúng tập đi từ cái « quả » mà đến cái « nhân » và tránh những thành-kiến dị-đoan, mê-tín. Đồng thời chúng sẽ làm quen với tên tuổi các nhà khoa-học trừ danh xưa nay,

D) PHẠM-VI CỦA MÔN KHOA-HỌC Ở CÁC LỚP SƠ TIỂU.

Vì phạm vi của khoa-học rất rộng cho nên về môn này giáo-chức không thể đưa trẻ con đi quá xa, mà chỉ dạy chúng những điều cần thiết như các môn phụ thuộc sau đây : Quan-sát, Thường-thức, Vệ-sinh, Canh-nông, Gia-chánh, vân vân...

Một phần của các môn Đức-dục (cái hại của rượu và của nha-phiến) và thể-thao (Cơ thể của trẻ con đòi hỏi những cử động thích ứng nào ?) cũng nhờ khoa-học giải thích cho.

1) MÔN QUAN-SÁT.

1) Định-nghĩa : Môn Quan-sát là một hình-thức của môn Khoa-học. Nó chỉ được áp-dụng cho trẻ con ở lớp Năm và lớp Tư mà thôi : Như từ ngữ « quan-sát » đã chỉ rõ, ở hai lớp này, đến giờ học giáo-chức phò bày trước mặt chúng, đồ vật, thảo mộc hoặc thú cầm quen thuộc, để chúng xem, sờ mó, nghe tiếng kêu. Nếu là đồ vật thuộc về thức ăn, thức uống thì chúng có thể nếm, ngửi. Nhờ sự vận-dụng ngũ giác-quan, chúng sẽ tìm ra hình thể, màu, sắc, mùi vị của vật mà chúng học. Trong bài « Quan-sát » phải có sự quan-sát thực sự, là vì ở các lớp nói trên trẻ con chỉ ưa thích những gì cụ-thể mà thôi.

Khi dạy một bài « quan-sát » mà giáo-chức không đem học-cụ, vật-liệu vào lớp thì đó là một việc vô ý-nghĩa.

2^o) Cách dạy môn quan-sát.

a) Đến giờ dạy môn quan-sát, mỗi trẻ con phải có trước mặt một vật kiểu-mẫu. Nếu điều-kiện ấy không thể thực-hiện được thì ít ra mỗi bàn phải có một vật kiểu-mẫu. Nếu toàn lớp chỉ có một vật kiểu-mẫu thì vật ấy phải được phóng-đại ra để trên cao cho mọi trẻ con thấy. Trong trường-hợp này, bài dạy sẽ mất tính-cách quan-sát của nó vì lẽ trẻ con không được tùy-ý xem xét, sờ, mó, nếm, ngửi vật kiểu-mẫu.

b) Bài học được trình-bày dưới hình-thức một cuộc nói chuyện thân-mật. Phương-pháp thích-hợp nhất là phương-pháp chất-vấn lẫn phương-pháp trực-giác (méthode intuitive) : Trẻ con xem-xét, sờ mó, nếm, ngửi đồ vật rồi trả lời các câu của giáo-chức.

Giáo-chức nói rất ít. Nhưng trái lại, giáo-chức thúc đẩy trẻ con phát-biểu ý-kiến rất nhiều.

Có những chi-tiết mà học-sinh không tìm ra thì giáo-chức phải giảng-giải một cách vắn-tắt cho chúng biết.

Cần tránh những điều sau này :

Không nên bắt trẻ con chú-ý quá lâu về một chi-tiết mà chúng đã biết rõ.

Không nên nói thoáng qua, hoặc bỏ qua những đặc-tính của sự-vật mà học-sinh chưa biết.

Giáo-chức trong khi giảng bài không nên ra ngoài đề và kiểm học-sinh luôn-luôn ở phạm-vi của bài học. Vậy bài dạy cần phải được sửa-soạn kỹ-lưỡng trước.

Học-sinh được tự-do phát-biểu ý-kiến. Các ý-kiến ấy sau rồi sẽ được giáo-chức xếp lại thành bài.

Một bài quan-sát được trình bày theo thứ-tự sau đây.

A) VẬT ĐỂ CHO HỌC-SINH QUAN-SÁT.

Lấy con mắt mà xem. Màu sắc (ấn-định màu sắc, so sánh màu sắc của vật với màu sắc quen thuộc).

Hình dáng của vật (so sánh với những vật quen-thuộc giản-dị hơn). Vật ấy chất đục hay chất trong.

Sờ mó vật (bằng tay). Bề mặt của vật láng hay nhám, cứng hay mềm, nóng hay lạnh.

Lấy tay nâng vật lên coi nặng hay nhẹ. So sánh vật với những vật bằng nhau hoặc lớn hay nhỏ hơn.

Ngửi vật (bằng lỗ mũi). Vật có hơi, mùi gì? (Phê bình. So sánh hơi mùi ấy với hơi mùi khác).

Nếm vật (bằng lưỡi). So sánh vị của vật với vị của nhiều vật khác.

Nghe tiếng kêu của vật (bằng lỗ tai). Cao độ tính phát-âm của vật. Gõ vật với một cây thước kẻ, hoặc đưa vật lên cao rồi cho vật rớt xuống các vật khác. Nhận rõ tiếng kêu do vật ấy phát ra.

B) NHỮNG CÔNG-DỤNG CỦA VẬT. (Les usages).

Giải-thích các công-dụng ấy bằng sự nhắc lại những sự quan-sát đã làm trước kia, hoặc những điều mà học-sinh đã thu thập được nhờ kinh nghiệm ở trong gia-đình hoặc ngoài đời.

Nếu là bài Thường-thức ở lớp Ba và lớp Nhì thì giáo-chức thêm các mục sau đây :

C) ẢNH-HƯỞNG CỦA NƯỚC ĐỐI VỚI VẬT.

Vật có tan trong nước không? Tan trong nước nóng hay nước lạnh?

D) ẢNH HƯỞNG CỦA LỬA ĐỐI VỚI VẬT.

Thí-nghiệm vật đối với lửa.

Học-sinh cho biết cảm-trởng của chúng trong các cuộc quan-sát ấy. Các chữ khó được viết lên bảng đen.

Sau cùng toát-yếu được nêu lên bảng đen.

1^o) Những cuộc thí-nghiệm.

Đối với học-sinh lớp Nhứt, lớp Tiếp-liên, bài Khoa-học thường-thức thường có kèm theo những thí-nghiệm nhỏ. Các cuộc thí-nghiệm này phải được sửa-soạn chu đáo và phải được đem ra thử trước, có kết-quả mới được đem ra thí-nghiệm trước mặt học-sinh.

2^o) Học-cụ khố.

Nhà trường phải có một Học-cụ khố nghĩa là một cái tủ kính to, một cái kệ lớn bề ngoài có che màn để tránh bụi-bặm. Trong Học-cụ khố người ta để những vật liệu cần-thiết cho những bài Cách-trí, Địa-dư, Sử-ký, văn-vân. Các vật-liệu đều phải sắp theo thứ-tự, theo loại, theo môn dạy.

3^o) Sách khoa-học. — Các bài toát-yếu.

Nếu có sách khoa-học phát cho học-sinh thì sách ấy chỉ giúp giáo-chức trong sự soạn bài mà thôi chứ không thay thế giáo-chức được. Giáo-chức phải tự giảng bài và tự làm các thí-nghiệm. Sách giáo-khoa giúp học-sinh, sau khi về nhà, tìm lại những chi-tiết bài học đã được giảng tại lớp.

Nếu có mấy đoạn khó, mấy danh-từ chuyên-môn thì giáo-chức nên bảo học-sinh mở các sách ra để giáo-chức giảng-giải các đoạn ấy.

E) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, môn quan-sát ở trường sơ-tiểu có tính cách cần-thiết cho đời sống mai hậu. Đồng thời nó giúp chúng mở mang nhiều năng-khiếu, nhiều đức-tính tốt. Nó cần dạy một cách cụ-thể mới đem lại kết-quả mong-muốn.

* * *

II. MÔN THƯỜNG-THỨC

1^o) **Định-nghĩa.** Môn thường-thức là môn dạy các điều cần-thiết mà sau khi ra đời, học sinh không thể không biết được. Những đồ vật, thảo mộc, cầm thú, hoặc có thành-phần của cơ-thể con người được chọn làm bài học, đều là hoặc có hiện hiện hoặc không; trong trường hợp ấy các đồ vật phải được thay thế bằng tranh ảnh. Thường thường các học cụ không có nhiều và học sinh không được tự tiện xem ngó, sờ, mó, nếm, ngửi, như trong bài quan sát. Ở lớp Nhì, lớp Nhất, giáo chức trong khi giảng bài mới cần làm những thí-nghiệm nhỏ để chứng-minh những hiện-tượng vật-lý.

Như vậy, trình-độ của bài Thường-thức hẳn là một bài quan-sát dành cho các lớp lớn trường sơ-tiểu (Ba, Nhì, Nhất).

2^o) **Cách dạy.** Cách dạy một bài thường thức giống y như cách dạy một bài quan sát; nhưng đôi khi có tính cách trừu tượng. Các thí-nghiệm được sửa soạn chu đáo và đưa dẫn học-sinh vào ngưỡng cửa khoa-học — Bài 10át-yếu dài hơn ở lớp ba.

III. MÔN VỆ-SINH

10) Sự quan-trọng mỗi ngày mỗi lớn của môn vệ-sinh.

Nước Việt-Nam độc-lập cần cố gắng rất nhiều về mặt vệ-sinh, một là để bảo-vệ giống nòi, hai là để tiến bước kịp người trên trường quốc-tế.

Sự cần thiết của môn Vệ-sinh được chứng minh bằng hai lý-do sau đây :

a) Lý-do hạnh-phúc cá-nhân.

Mỗi cá-nhân có bổn-phận giữ-gìn sức khỏe của mình. Có mạnh khỏe con người mới muốn sống, mới vui tươi làm việc vừa cho mình vừa cho xã-hội. Đó là nguyên-do hạnh-phúc cá-nhân. Kẻ bị ốm đau, tàn-tật, chẳng những làm khổ cho mình mà lại còn làm khổ cho người khác, cho xã-hội nữa.

b) Lý-do tiết-kiệm về phương-diện xã-hội.

Mỗi cá-nhân đều có một giá-trị xã-hội trong sự phục-vụ quyền-lợi chung. Một cá nhân khỏe-mạnh giúp xã-hội được nhiều việc. Vậy mỗi cá-nhân không nên làm giảm giá-trị xã-hội của mình.

c) Lý-do ái-quốc.

Một dân-tộc khỏe mạnh là một dân-tộc hùng-cường về phương-diện tinh-thần. Khi có nạn ngoại-xâm thì dân-tộc ấy sẽ hăng hái đứng lên bảo-vệ đất-nước. Thời bình, dân-tộc ấy làm việc một cách đặc-lực để đưa xứ sở lên địa-vị một nước hùng-cường.

Chánh-phủ một nước cần bảo-vệ, chăm nom chu-đáo di-sản nhân-lực ấy vì lẽ Dân còn thì Nước mới còn.

Có hai loại vệ-sinh : Vệ-sinh bồi-dưỡng các tạng, phủ (Hygiène fonctionnelle). Thí-dụ : tập thể-thao, ăn uống có tiết-độ, thứ là đến Vệ-sinh phòng-ngừa (Hygiène prophylactique) bảo-vệ thân-thể khỏi mang tật bệnh và chống ngăn sự truyền-nhiễm các chứng bệnh hiểm-nghèo trong dân chúng.

d) Lý-do đoàn-kết và sức-khỏe.

Giữa các cá-nhân con người có sự đoàn-kết để bảo-vệ sức khỏe cho nhau. Sự đoàn-kết này có tính-cách quốc-tế. Thí-dụ : phong-trào quốc-tế bài-lao, bài ung-thư, bài bình-hủi (cùi), bài nha-phiến.

e) Lý-do dân-chủ.

Các phương-pháp vệ-sinh nếu đem ra thực-hành sẽ giúp ích cho đại-chúng trước hết. Tính cách dân-chủ của môn Vệ-sinh là ở chỗ đó. Các gia-đình giàu đều có đủ phương-tiện tự-vệ mỗi khi có bệnh-dịch hoành-hành. Vậy, dân-chúng có lợi trực-tiếp mà áp-dụng các qui-luật vệ-sinh.

2^o) Sự áp-dụng các qui-luật vệ-sinh ở nhà-trường.

Cơ-thể của trẻ con rất mảnh mai, yếu đuối. Vậy nhà trường cần bảo-vệ sức-khỏe và cơ-thể chúng. Đã lâu rồi, theo lối giáo-dục cổ-truyền, người ta chỉ chú-trọng đến tinh-thần mà bỏ rơi cơ-thể. Ngày nay không phải thế. Nhà trường chẳng những dạy trẻ con biết đọc, biết viết, biết làm toán mà còn dạy chúng biết cách giữ-gìn sức khỏe của chúng nữa.

Về trường-học, các phòng học phải khoáng-khoát, có nhiều cửa sổ và có thể-tích không-khí đủ dùng cho sĩ-số theo tỷ-lệ 5 thước khối cho mỗi trẻ. Nếu bề cao phòng

học là 4 thước thì mỗi trẻ phải chiếm một diện-tích là 1 thước vuông 25.

Nếu không khí trong lớp có chứa thán-khí với tỷ-lệ 0,5/100 thì không-khí ấy đã quá trược và rất có hại cho sức khỏe trẻ con.

Vi các lẽ ấy mà ở các lớp nhỏ, nếu thời-tiết thuận tiện, cần nên mở các lớp ở ngoài trời, hoặc dưới bóng cây.

Trẻ con cần chơi giỡn, học hành dưới ánh sáng mặt trời vì trong đó có chất tử-quang (rayon ultra-violet) có tính-chất sát-trùng.

Bàn ghế để trẻ con ngồi học phải vừa tầm chúng, nghĩa là không cao, không thấp, không quá rộng mà cũng không quá hẹp. Trong phòng học cần có nhiều cỡ bàn ghế dùng với các hạng tuổi của chúng. Chỗ rửa mặt, chỗ đi đại tiện đều được quét dọn sạch-sẽ.

Nếu nhà trường có tổ-chức ngộ-phạn điểm thì thực-đơn mỗi tuần phải được bác-sĩ nhà trường duyệt lại và chấp thuận.

Mỗi trẻ con phải có một tập hoặc một phiếu sức khỏe.

Nhiều lần trong niên-khóa, bác sĩ của chính-phủ sẽ thân đến tận nơi để khám sức khỏe chúng và ghi vào đó những chi-tiết cần-thiết (đo ngực, cân, đo bề cao, xem răng). Nhờ những buổi khám sức khỏe này mà bác-sĩ tìm ra những trẻ-con bị bệnh truyền-nhiễm cần phải điều-trị ngay và cho áp-dụng phương-pháp phòng ngừa cho toàn trường.

3o) Những cơ-quan cải-thiện sức khỏe trẻ-con yếu đuối.

Người ta kể :

a) Các lớp học khoảng-khoát (*classes aérées*).

Tức là những phòng học rộng rãi, có nhiều cửa sổ, luôn luôn mở theo chiều hướng nhất định. Các phòng học này dành cho các trẻ yếu đuối thuộc các trường đông đúc trong các châu-thành. Các phòng học này cần xây cất ở các vùng ngoại ô châu-thành, có sân rộng có trồng cây để trẻ-con chạy giỡn và phơi nắng.

b) Các trường giữa trời.

Tức là những trường cất ở giữa trời, trong các vùng thôn quê dành cho trẻ con yếu đuối bị nghi mắc bệnh lao. Các trẻ này trước đã theo học một trường đông đúc của châu-thành.

Các trẻ con học ở các trường này, sau một thời-gian sẽ trở nên mạnh khỏe và đủ sức chống lại với sức tàn phá của bệnh lao.

Mỗi tuần, các trường đều được bác-sĩ thanh-tra của chính-phủ đến viếng.

Cách tổ-chức một trường ở giữa trời có hai lối :

Lối nội-trú. Kết quả rất tốt, nhưng tốn kém nhiều. Số trường loại này rất ít.

Lối ngoại-trú. Ngày hai buổi (sáng : 3 giờ ; chiều : 2 giờ) trẻ con ở các nơi đến học ở trường, gần thì bộ, xa thì có xe rước.

Kết-quả tốt, nhưng thua lối trên.

Ở các loại trường này, giờ học rất ít. Trái lại, giờ bồi-dưỡng sức khỏe rất nhiều. Trẻ-con thích tắm nắng lắm. Sức khỏe chúng nhờ thế mà được cải-thiện mau.

Trong tương lai gần đây, một học-đường to lớn ở châu-

thành cần có một ngôi trường, trường phụ-thuộc cất ở giữa trời trong thôn-quê để nhận những trẻ yếu đuối, suy-nhược.

4°) Môn Vệ-sinh phải dựa vào khoa-học. Cách dạy.

Môn Vệ-sinh phải đi đôi với môn thường-thức. Nói một cách khác, bữa trước dạy môn Thường-thức thì bữa sau dạy môn Vệ-sinh để áp-dụng bài thường-thức ấy.

Thí-dụ : Bữa trước học về răng, thì bữa sau sẽ nói đến : Vệ-sinh về răng (cách súc miệng, cách đánh răng mỗi buổi sáng, cách nhai đồ ăn).

Ở các lớp nhỏ, môn Vệ-sinh cần được đem ra áp-dụng ngay dưới hình-thức những lời khuyên răn ngắn. Bài dạy cần được cụ-thể hóa bằng những học-cụ và những buổi thực-hành (cách rửa mặt, rửa tay, cắt móng tay, cách đánh răng, cách giặt khăn tay, cách rửa rau cải v.v...)

Ở các lớp lớn (lớp Nhứt, lớp Tiếp liên) môn Vệ-sinh có tính cách một sự áp-dụng khoa-học. Giáo-chức dạy học sinh cách luyện-tập các thành phần của cơ-thể được tráng-kiện, cách phòng ngừa các bệnh tật, cách diệt-trừ các vi-trùng bệnh, sự nghiên-cứu các sérums các loại thuốc chích (vaccins) và nhất là các bệnh có tính cách xã-hội như : bệnh rượu, bệnh lao, bệnh ung-thư. Trong những buổi thực-hành, giáo-chức sẽ dạy chúng cách săn-sóc bệnh, cách cứu thương khi gặp rút vắn vắn...

5°) Ngày Vệ-sinh.

Về môn này rất quan-hệ cho sức-khỏe trẻ con nên giáo-chức phải tổ-chức một ngày Vệ-sinh. (Ngày thứ bảy chẳng hạn). Đến ngày ấy những môn nào không dính líu đến môn Vệ-sinh thì gác lại bữa khác. Còn các môn khác đều lấy đề-

tài chính là : Vệ-sinh. Ngày ấy môn Vệ-sinh được coi là chủ-điểm của các môn khác. Đồng thời giáo-chức bảo các trẻ thực-hành ngay những lời dạy. Chính giáo-chức làm gương trước bằng cách bồn-thân mở cửa cho không khí vào, lau quét bàn viết và ghế ngồi v.v... Tất cả học-sinh sẽ noi gương giáo-chức mà lau bàn, dọn quét phòng học cho sạch sẽ. Các biểu-ngữ vẫn tắt nhưng có ý-nghĩa rất mạnh, cương-quyết, được nêu lên trong phòng học như : cấm ngắt sự khạc nhổ dưới đất, sự bỏ giấy vụn dưới đất v.v...

6^o) Cách dạy học Vệ-sinh gián-tiếp.

Ngoài giờ học môn Vệ-sinh chánh-thức, giáo-chức có thể dạy môn này gián-tiếp như sau : trước giờ học, giáo-chức xem coi phòng học và bàn ghế được dọn quét lau chùi sạch sẽ không ? Tay chân, mặt mũi, quần áo của học-sinh. có sạch không ?

Trong khi trẻ con làm bài, giáo-chức đi từ bàn này đến bàn khác để sửa chữa cách ngồi, cách để tập vở, cách cầm viết.

Giáo-chức cấm trẻ con thấm nước miếng vào đầu ngón tay để lật các trang sách hoặc đội lẫn nón, mũ của nhau

7^o) KẾT - LUẬN.

Nói tóm lại, môn Vệ-sinh, ngày hôm nay có một tính cách quan trọng và chính nhờ nhà trường mà môn ấy được phổ-biến trong dân chúng. Vậy ở nhà trường, trẻ-con cần được áp-dụng ngay các qui-luật Vệ-sinh để rồi truyền lại cho các gia-đình.

* * *

IV. MÔN CANH-NÔNG

(Không có trong chương-trình 1959 của Bộ Quốc-gia Giáo-dục).

A) MỤC-ĐÍCH CỦA MÔN CANH-NÔNG : Môn canh-nông có hai mục-đích như sau :

1^o) Giúp học-sinh có những trí-thức khoa-học căn-bản của khoa canh-nông hiện-đại.

Khoa Canh-nông hiện-đại căn-cứ vào khoa-học. Nói một cách khác, các ngành khoa-học sau đây đã bổ-túc cho khoa Canh-nông như : địa-chất học, thảo-mộc học, hóa-học, khoa chăn-nuôi. Hiện nay các điền-khí ở các nước văn-minh đều là máy móc cả. Các trí-thức thuộc các ngành vừa kể trên, đòi hỏi một học-lực khá rộng mới áp-dụng được. Một nông gia dù dày kinh-nghiệm đến đâu cũng không sao hiểu được các điều ấy. Các điều ấy học-sinh nhờ nhà trường giảng-giải cho.

Ở nhà trường, về môn Canh-nông học-sinh không cần học phải cày, bừa, bỏ phân, phát cỏ, gặt lúa thế nào. Các việc ấy phụ-huynh của chúng rất sành và sẽ chỉ lại chúng. Cái mà các bậc phụ-huynh không biết chính cái đó học-sinh mới nên học để rồi truyền lại cho người nhà như : tại sao phải cày đất, bừa đất, xới đất, bón đất, vô phân v.v... Người nông-phu lành nghề phải biết rõ các việc ấy, và như vậy là phải học.

Sau khi rời ghế nhà-trường, học-sinh sẽ là người nông-phu ấy và sẽ có một trình-độ để hiểu biết những bài diễn-thuyết khuyến-nông tại địa-phương.

2^o) Môn Canh-nông làm cho học-sinh yêu mến đời sống dã-nội.

Nhờ có học môn Canh-nông học-sinh mới nhận thức được nhiều sự thắng lợi của đời sống dã-nội so với đời sống giới thợ-thuyền ở các đô-thị.

Người nông-phu ở chốn dã-nội sống một cuộc đời rất là độc-lập, tự-chủ (mình làm chủ lấy mình) rất là tinh-khiết (không khí trong sạch, mát mẻ). Người nông-dân

thường sống lâu hơn người dân thành-thị. Họ ít ốm đau và lúc nào cũng mạnh khỏe.

Nếu biết hành nghề đúng theo nguyên-tắc khoa-học thì nhà nông chắc chắn sẽ dễ làm giàu hơn giới thợ thuyền.

Ở thành-thị, giới thợ thuyền sống trong những căn nhà bần thiêu, chật hẹp, thiếu vệ-sinh và thường đau ốm. Lương bổng tuy có cao hơn hoa-lợi của nhà nông thật, nhưng họ phải tiêu xài nhiều vì mỗi vật mỗi mua.

B) NHỮNG KHÁI-NIỆM CANH-NÔNG VÀ MÔN KHOA-HỌC THƯỜNG-THỨC.

Môn Canh - nông ngày hôm nay không còn là môn học riêng biệt nữa. Nó hiệp làm một với môn thường-thức mở đường cho môn Canh-nông. Thực ra những khái-niệm canh-nông thực là những áp-dụng của môn Khoa-học. Khoa-học giúp môn Canh-nông giải-quyết mọi nỗi khó khăn của nông-nghiệp.

Chương-trình môn Canh-nông ở một trường nam học-sinh thôn quê gồm có sự nghiên-cứu đất đai, đồng-nội, các loại trồng-tỉa, các loại thú nhà và cách chăn-nuôi, cách sửa soạn và tổ chức một nông trại.

Ngày hôm nay, chương-trình môn Canh-nông được các cán-bộ chuyên-môn giảng-dạy đầy đủ hơn nhiều và đi rất xa.

C) PHƯƠNG-PHÁP PHẢI THEO.

Phương-pháp áp-dụng gồm hai đặc-diểm sau đây :

1) Luôn luôn áp-dụng sự quan-sát.

Đến giờ Canh-nông, giáo-chức dắt học-sinh ra ngoài học đường viên (vườn của nhà trường), ngoài đồng-nội, hoặc

đi chơi trong đồng ruộng. Như dịp ấy giáo-chức bắt học-sinh quan-sát các thứ đất, các thứ phân bón, các công việc đồng-áng, các nông-cụ thông thường, các phương-sách làm cho các loài thảo-mộc luôn luôn sinh-sản ra nhiều với hoa-quả cực đẹp (cách tháp cây, chiếc cây v. v...)

Nhờ vậy mà chúng sẽ không thờ ơ với công việc đồng-áng và lúc nào chúng cũng muốn xem, quan-sát mọi việc.

2^o) Luôn luôn áp-dụng sự thí-nghiệm.

Ở giai đoạn này, người ta cũng còn quan-sát, luôn luôn chú ý và vui thích về một cuộc thí-nghiệm chứng-minh chính-sắc sự đúng của một nguyên-tắc. Về phương-diện này, môn Canh-nông khuyên nên trồng tỉa thử để thí-nghiệm. Thí-dụ : Một khoảng đất trồng lúa không có phân bón thì xấu. Trái lại, trên một khoảng đất tương-tự có vô phân thì lúa rất tốt, có nhiều gié, nhiều hạt. Sự thí-nghiệm ấy có thể thực-hiện được bằng những chậu hoa (pots) hoặc tại học đường viên (vườn của nhà trường) hoặc ở trên khoảng đất thí-nghiệm của thôn xã.

Trong những dịp đi du ngoạn, giáo-chức sẽ như cơ-hội ấy bổ-túc những bài Canh-nông đã học rồi. Các cuộc du-ngọa phải được sửa soạn từ trước với một mục-đích nhất định. Thí-dụ : Kỳ du-ngọa này toàn lớp sẽ chú trọng về cách cày đất ; kỳ sau thì lại chú trọng về cách bừa đất, kỳ sau nữa về cách trực đất, cách cấy lúa vãn vãn. Sau mỗi cuộc du-ngọa, học-sinh phải tóm tắt trong một bài toát-yếu những điều nghe và thấy, những điều chúng quan-sát với những giải-thích của giáo-chức.

D) CÁC MÔN KHÁC TRỢ LỰC CHO MÔN CANH-NÔNG.

Các môn khác trợ lực cho môn Canh-nông bằng cách làm cho trẻ con ưa thích việc đồng-áng, đời sống thôn-

quê là môn Giảng văn, môn Chính-tả, môn Âm-độc, môn Tác-văn, môn Ngữ-vựng, môn Toán-học, môn Địa-lý.

Về môn Toán-học giáo-chức có thể cho những bài tính-đổ về sự mua bán lúa gạo, hoặc các nông-sản khác v.v... giá lúa gạo, giá các nông-sản khác trên thị-trường nước nhà và quốc-tế.

Môn Địa-dur sẽ nhấn mạnh về sự xuất-cảng hằng năm lúa gạo, hoặc các nông-sản khác của nước ta.

E) CÁCH PHÂN-PHỐI VÀ ÁP-DỤNG CHƯƠNG-TRÌNH CANH-NÔNG.

Chương-trình môn Canh-nông phải được phân-phối như thế nào mà tất cả cái chi thuộc về đời sống các loại thảo-mộc và cầm thú thì thuộc về mùa xuân và mùa hạ. Tất cả các mục khác thì được học về mùa thu và mùa đông.

Nói một cách khác, phạm muốn nghiên-cứu một loại thảo-mộc nào thì phải đợi các loại ấy đơm hoa kết quả mới được.

Vậy, chương-trình đã được ấn-định một cách tổng-quát phải được tùy-nghi áp-dụng. Giáo-chức có thể thay đổi mục trước ra sau, mục ở đằng sau ra trước, và thêm bớt hoặc bỏ đi, nếu cần, những chi-tiết.

Những bài Đặc-chủng nghiên-cứu (Monographie), về thảo-mộc và thú-cầm đều được chú-trọng, nhưt là về các loại thảo-mộc và thú-cầm địa-phương. Đồng-thời học-sinh cũng học cách nghiên-cứu và phê-bình một nông trại, sự khai mào các công-việc đồng áng trong vùng, các nông-cụ và các máy móc áp-dụng tại một địa-phương.

F) MÔN CANH - NÔNG Ở CÁC TRƯỜNG NỮ-HỌC.

Ở các trường nữ-học cách dạy môn Canh-nông có khác hơn ở các trường nam-học.

Ở trường nữ-học người ta chỉ dạy cách nghiên-cứu và phê-bình một nông trại (ferme) và các nhà phụ-thuộc.

Người ta lại còn dạy thêm cách trồng các thứ hoa, các thứ rau, và cách chăn nuôi một ít loại thú nhà nhỏ như : gà, vịt, lợn, thỏ, ong mật và nghệ-thuật làm vườn. Chương-trình môn Canh-nông ở các trường nữ-học đô-thị cũng có mục ấy.

Kinh-nghiệm cho thấy rằng : trong gia-đình nông-phu, người nội-tướng đóng một vai tuồng cực-kỳ quan-trọng. Sự giàu có thịnh-vượng của một nông-trại đều do sự hiệp lực giữa vợ lẫn chồng. Nếu người nội-tướng mà dốt nát và thủ-cựu thì đó là một tai hại là vì vợ sẽ ngăn cản chồng trong mọi sáng-kiến hay. Tình-trạng ấy sẽ đưa nông trại đến chỗ sụp đổ. Bởi thế môn Canh-nông chẳng những cần được dạy cho nam học-sinh mà còn cho nữ học-sinh nữa.

G) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, môn Canh-nông căn cứ vào khoa-học nếu được dạy bằng cách thực-nghiệm sẽ có kết quả tốt đẹp. Tuy vậy có người còn nghi-ngờ kết quả ấy. Họ cho rằng : « Cần mở ngay ở mỗi địa-phương một trường dạy khoa Canh-nông vì lẽ môn Canh-nông dạy ở trường không ăn thua gì ». Không phải thế, việc giáo-dục Canh-nông phải bắt từ dưới lên trên mới đúng nguyên-tắc. Đại-chúng ở dưới mới là phần căn-bản. Vậy nhà trường không nên ngã lòng và cố gắng đào-tạo những người lao-nông có óc suy-nghĩ, am-hiểu sự tiến-bộ của nông-nghiệp và không rời bỏ đồng quê để về thành.

V. MÔN GIA-CHÁNH

A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN GIA-CHÁNH.

(Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình 1959).

1^o) **Lớp năm**

Không có giờ.

2^o) **Lớp Tư**

Không có giờ.

3^o) **Lớp Ba**

Không có giờ.

4^o) **Lớp Nhì (Nữ-sinh)**

Gia-chánh — Nữ-công : 1 giờ 50'.

5^o) **Lớp Nhất (Nữ-sinh)**

Gia-chánh — Nữ-công : 1 giờ 50'.

B) CHƯƠNG-TRÌNH.

Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình ngày 16-7-59).

Nữ-công Gia-chánh

Lời chỉ-dẫn của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Nữ-công đứng đầu trong bốn đức của người phụ-nữ Á-Đông. Thế nên các em gái tuy còn ít tuổi cũng phải biết vai điều thông thường về môn Nữ-công, Gia-chánh đủ tự lo cho mình, giúp ích cho gia-đình, và cho những người chung quanh.

Nữ - công, gia - chánh còn tập cho trẻ em tánh cần

kiệm, kỹ-lưỡng, tài khéo léo, chế-biến, có óc tổ-chức và có mỹ-thuật.

Nữ-công, Gia-chánh là môn dạy thực-hành đi đôi với nhau và lắm khi cần nhiều thì giờ nhất là về môn nấu ăn. Vậy nên xếp đặt thời-khóa-biểu cho hai môn liên tiếp nhau.

VỀ may thêu, nên :

a) Dạy trẻ em khởi sự từ mũi dễ đến mũi khó, — dùng kim to, vải thô, chỉ màu trước tiên để dễ thấy, dễ may.

b) Áp dụng những mũi đã dạy vào những món đồ hữu dụng vừa với sức trẻ con.

c) Đừng quá tỉ mỉ đối với công việc làm của trẻ, song buộc chúng khi khởi sự món gì là phải cho xong món đó.

d) Chỉ cách trình bày cho có ý-nghị trong sự chọn vải, chọn màu và kiểu thêu.

e) Sau khi chấm điểm, chỉ cho trẻ thấy những chi tiết của món đồ khéo và đẹp.

f) Nếu có thể, nên trưng bày đồ thêu may cùng với thủ-công vào cuối niên học.

VỀ gia-chánh, nên :

a) Dạy thực hành với vật liệu rẻ tiền và sẵn có trong nước, ví dụ: chùi kiến với giấy báo, chùi đồng với tro và khế, dùng nước cốt dừa khô hơn là dùng bơ sữa.

b) Trước khi nấu ăn nên phân chia công-việc cho từng nhóm học-sinh.

c) Nên cho học-sinh gom góp ý-kiến vào cách nấu nướng. Những ý-kiến này, — cố nhiên là của các bà mẹ chúng, — sẽ giúp có giáo thu được kết-quả tốt.

d) Dạy cách trình bày món ăn cho có mỹ-thuật.

e) Nếu có thể, — mời một bà mẹ sốt sắng vào lớp chỉ cho học-sinh làm một món bánh dễ và ngon, mừng ngày sinh-nhật của em học-sinh con bà.

f) Khi làm được một món ăn ngon, cho trẻ biên kỹ cách thức làm vào tập vở.

Nữ công, Gia-chánh : 32 tuần, mỗi tuần 2 giờ.

Lớp Nhi

A. — *Nữ-công* : May các mũi thông thường, mũi tốt, đột thừa, may lộn, mũi vắt, may ép.

— Vá : nhíp đường thẳng, vá chéo bằng mũi vắt, vá đắp theo Việt-Nam.

— Đơm nút ốc, nút bóp.

— Thêu mũi nhánh cây, mũi dây chuyền, mũi bit tất, (point de chausson) mũi mạng, mũi chữ thập.

— Áp dụng các kiểu thêu vào khăn tay, miệng túi áo, tay áo, cổ áo, khăn ăn, áo em bé, vải lót ly, lót bình hoa.

B. — *Gia-chánh* : Cách giặt và cách ủi (là) đồ vải, vải trắng, vải màu, đánh giầy trắng, giầy da màu.

— Chùi ấm, chén, ống nhổ, mâm, nồi, rửa bát đĩa, ly, súc ve.

— Chọn các thứ rau, đậu tươi và non. Luộc rau đậu, gọt thơm, trộn sà lách, (dầu giấm).

— Nhúm lửa, củi, than, nấu nước, pha trà.

— Vo gạo, nấu cháo, nấu cơm.

— Đãi đậu, nấu đậu, nấu chè.

— Rang đậu phụng (lạc), rang mè (vừng), đằm đậu mè, làm muối đậu, muối mè, kho mắt đậu, làm muối xả, muối ớt.

— Chọn tôm tươi, luộc tôm, lật tôm tươi, chiên tôm lẫn bột.

— Chọn cua chắc, cua gạch, luộc cua, rửa cua.

— Thắng mỡ, làm mỡ hành, thắng nước màu.

— Làm nước mắm chanh ớt, nước mắm gừng.

— Chọn trứng. Luộc và chiên trứng.

— Ướp thịt, nướng thịt, xào thịt.

— Dọn bánh hỏi thịt xào.

— Dọn bún thịt nướng.

Nữ-công Gia-Chánh : 32 tuần, mỗi tuần 2 giờ.

Lớp Nhứt

A. — *Nữ-công* : Ôn lại chương-trình lớp nhì (các mũi may và thêu). Thêm : đột nhật, làm khuy chỉ, khuy khoét, viền.

Cắt và may áo quần cho trẻ em.

— Thêu mũi thắt (point noué); mũi chìm (passé plat), mũi gai thường (point d'épine simple), áp dụng các kiểu thêu vào khăn tay, khăn nhỏ, áo gối em bé.

— Vá: vá một góc, hai góc, bốn góc bằng mũi vắt và may ép.

— Mạg: đường may, đường xéo, lỗ tròn.

B. — *Gia-chánh* : Tẩy các vết bẩn trong quần áo : mực, bùn, cát, mũ cây, dầu máy.

— Cách giặt và cách ủi (là) đồ hàng.

— Đánh bóng bàn ghế, lau chùi đồ đồng.

— Cách cắm hoa.

— Chọn gạo tốt.

— Nấu cơm, chiên cơm, nấu cơm nếp.

- Làm đồ chua, củ cải đỏ, củ cải trắng.
- Dưa giá, dưa xổi, củ cải bóp xổi.
- Chọn cá tươi, làm cá, chiên cá,
- Làm gà, luộc gà, chặt và bày đĩa.
- Vài thứ canh : canh rau, canh chua, canh cá, nấu ngót.
- Làm bì : bì cuốn, gỏi cuốn.
- Vài thứ bánh : bánh căn, bánh bông lan.
- Tập làm sổ chi tiêu trong gia-đình.
- Tập làm vài thực-đơn thường ngày, khi có khách.
- Giúp đỡ người bệnh (ốm), nấu, nướng, xông, giã, sắc thuốc, pha thuốc, xức thuốc, lấy thủy (cấp sốt) v.v...

Dưỡng - nhi

Lớp nhi và lớp Nhứt (riêng cho Nữ sinh), dạy trong chương-trình vệ-sinh.

Người con gái thường có dịp thay thế hoặc giúp mẹ và chị trong việc trông nom em bé hoặc cháu bé sơ sinh. Nên cần biết và thực-hành những điều thường-thức và cách dưỡng nhi. Nếu có thể nên cho học-sinh viếng các cơ-quan dưỡng-nhi và bảo vệ nhi-dồng.

Mặc và ủ cho đứa bé sơ sinh : mặc quần áo, thay tã, thoa-phấn.

Cách bồng em, ru em ngủ. Các cách nuôi bằng sữa : sữa mẹ, nuôi vú, sữa súc vật, bú dặm. Mỗi ngày cho bú mấy lần trong tuần lễ đầu ; trong tuần lễ thứ nhì cho tới hết tháng ; trong tháng thứ hai, thứ ba, thứ tư, cho đến tháng thứ sáu, tháng thứ bảy. Mỗi lần cho bú phải cách nhau bao lâu — Bài trừ thói quen cho bú khi thấy em bé khóc và thói quen nhai cơm rồi dút cho em (mớm cơm)

Cách giữ-gìn bình sữa, cách pha sữa, cách cầm bình sữa cho bú, cách rửa bình sữa.

Đừng cho ăn sữa đã chua (ôi) — Cách giữ-gìn sữa hộp đã khui.

C) SỰ QUAN-TRỌNG CỦA MÔN GIA-CHÁNH.

Ngày hôm nay, địa-vị của người đàn bà trong gia-đình Việt-Nam không còn ai chối cãi là không quan-trọng được. Một gia-đình thịnh-vượng hay điêu-tàn phần lớn đều do người đàn bà cả. Trong lúc người cha bôn nam tẩu bắc bên ngoài để kiếm tiền về nuôi gia-đình thì bên trong người mẹ phải đảm-nhiệm việc tề-gia và dạy dỗ con trẻ, sắm cái ăn cái mặc cho chồng con. Việc ấy đòi hỏi ở bà mẹ, bà vợ, tính cần-kiệm, siêng năng, kim-chỉ trong mọi việc. Bởi thế người vợ được ban cho chức « nội-trưởng » là vậy. Người chồng bên ngoài dầu có tài giỏi đến đâu mà bên trong người vợ hư hèn, cầu thả, thì công việc gia-đình rất cuộc sẽ hỏng bét.

Không gì làm người chồng chán nản cho bằng sau khi đi làm cực nhọc, về đến nhà không được một bữa ăn ngon lành, một manh quần tằm áo lạnh lẽ, sạch-sẽ để thay đổi, một gian phòng trang-trí sạch-sẽ để nghỉ ngơi. Thêm vào tình-trạng bi-đát ấy lại có một đàn con đau ốm, áo quần rách rưới, mặc mảy dơ bẩn. Tình-trạng ấy lâu ngày thúc đẩy người cha đi tìm chỗ giải-trí vui đẹp hơn. Vì thế mà họ đâm ra bê-tha chè-rượu, ngồi quán, ngồi lều. Một gia-đình như thế chẳng chóng thì chầy sẽ đi đến chỗ tan rã. Lỗi ấy phải chăng là tại người vợ không biết nhiệm-vụ của mình ?

Để tránh những tai-nạn ấy ngay bây giờ nhà-trường dạy cho nữ học-sinh môn gia-chánh và Dưỡng-nhi.

D) MÔN GIA-CHÁNH VÀ MÔN DƯỠNG-NHI PHẢI DỰA VÀO MÔN THƯỜNG-THỨC.

Nói một cách khác, môn Gia-chánh và môn Dưỡng-

Nhi được coi là những áp-dụng của môn thường-thức dưới nhiều hình-thức. Thí-dụ : cách nấu ăn, làm bánh, giặt ủi, cho trẻ-con bú, săn sóc trẻ-con v v... Tất cả các việc ấy đều là những áp-dụng của Khoa-thường-thức cả.

E) HAI PHẦN CỦA MÔN GIA-CHÁNH :

Môn gia-chánh gồm hai phần : phần lý-thuyết và phần thực-hành.

1^o) *Phần lý-thuyết* : Phần này dạy buổi sáng thứ bảy. Nữ giáo-chức chuyên-trách môn Gia-chánh phải giải rõ bằng những bài học, các mục trong chương-trình.

2^o) *Phần thực-hành* : Phần này được dạy buổi chiều thứ bảy mỗi tuần và gồm bốn mục như sau : giặt quần-áo, ủi (là) quần áo, nấu ăn, khâu, vá quần áo. Nếu một lớp học có 40 nữ học-sinh thì chúng được chia làm bốn toán luân phiên nhau mà làm những việc như sau :

Trong tuần đầu :

Toán 1 học giặt quần áo.

Toán 2 học ủi, là quần áo.

Toán 3 học vá quần áo.

Toán 4 học đi chợ và nấu ăn.

Đến phiên các tuần kế thì lại theo thứ-tự ấy mà thay đổi phận-sự. Mỗi toán đều phải học qua bốn việc ấy cho thuần-thục.

F) MÔN GIA-CHÁNH PHẢI ĐƯỢC AI DẠY ?

Thế thường nhà trường mời một nữ chuyên-viên ở ngoài vào dạy môn Gia-chánh cho tất cả lớp Nhi và lớp Nhứt. Cách hành-dộng như thế không tiện là vì, nữ chuyên-viên nói trên sẽ dạy ít giờ trong mỗi lớp và sẽ

không đủ uy-tín để điều-khiển lớp-học. Nhiều khi đối với nhiều nữ học-sinh, giờ Gia-chánh là giờ nghỉ ngơi, giải trí. Chẳng những thế, chúng còn sợ bần tay không dám mó đến rau, củ, cá, thịt và sớm đã có tính «góm» cái gì bần.

Để tránh điều bất tiện ấy, chuyên-viên dạy môn Gia-chánh phải là nữ giáo-chức đảm nhiệm lớp học đó vậy. Vì kính-nể bà thầy và khi thấy bà thầy làm cá, lật rau, nấu cơm, vá áo vùn vùn... thì tất cả nữ học-sinh sẽ làm theo và không còn «góm» nữa.

G) CẦN TỔ-CHỨC MỘT NGÀY GIA-CHÁNH.

Ngày ấy có thể là một ngày thứ bảy. Ngày ấy tất cả nữ học-sinh các lớp Nhứt và Tiếp-liên hiệp lại. Sớm mai thì chúng học lý-thuyết. Trưa lại chúng ăn cơm tại trường. Bữa cơm trưa được một số nữ-sinh nấu và dọn ra dưới sự hướng-dẫn của nữ giáo-chức và bà hiệu-trưởng. Chính các nữ-sinh này tự đi chợ và tự mua đồ ăn lấy.

Sau khi ăn xong thì có sự rửa chén và sự dọn cất dụng-cụ và sự nghỉ ngơi.

Chiều lại, chúng sẽ học phần lý-thuyết và kỹ-thuật cắt, may quần áo thêu thùa v.v...

Ấy là những đại-cương của ngày gia-chánh. Các đại-cương ấy có thể được sửa đổi tùy-ý.

H) KHOA DƯỠNG-NHI.

Môn Gia-chánh cần được kết-thúc bằng những nguyên-tắc căn-bản của khoa Dưỡng-nhi.

Không chi tai-hại bằng người mẹ vì thất học và thủ-cự mà làm thiệt mạng đứa trẻ sơ sanh. Vậy bà mẹ cần được hướng dẫn một cách khoa-học, đúng theo chương-trình của khoa Dưỡng-nhi.

I) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, môn Gia-chánh và môn Dưỡng-nhi sẽ

giúp bà vợ, bà mẹ một cách đặc-lực trong việc nội trợ và cách nuôi dưỡng trẻ con. Trước khi lập gia-đình, các nữ-sinh có học qua hai môn ấy sẽ giúp mẹ hoặc chị một cách hữu hiệu trong các việc này.

Gia-đình nhờ thế mà ngày thêm vui tươi và đầy hạnh-phúc.

*
**

VI. MÔN THỂ-DỤC

A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH RIÊNG CHO MÔN THỂ-DỤC Ở CÁC LỚP SƠ-TIỂU. (Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình ngày 16-7-1959).

Lớp Năm

Mỗi ngày 2 buổi, mỗi buổi 15 hoặc 20 phút : trước và sau giờ học đầu hoặc chót. Mỗi tuần : 1 giờ 40'.

Lớp Tư

Mỗi ngày 2 buổi, mỗi buổi 15 hoặc 20 phút trước giờ học đầu hoặc sau giờ chót. Mỗi tuần : 1 giờ 40'.

Lớp Ba

Mỗi ngày 2 buổi, mỗi buổi 15 hoặc 20 phút trước giờ học đầu hoặc sau giờ chót. Mỗi tuần : 1 giờ 40'.

Lớp Nhì (Nam-sinh)

Thể-dục và trò chơi : buổi sáng trước giờ học, hay buổi chiều sau giờ học : mỗi bài từ 15 đến 30 phút. Mỗi tuần : 2 giờ.

Lớp Nhất (Nữ-sinh)

Thể-dục và trò chơi : buổi sáng trước giờ học hay buổi chiều sau giờ học ; mỗi bài từ 15 đến 30 phút. Mỗi tuần : 2 g.

Lớp Nhất (Nam-sinh)

Thể-dục và trò chơi : buổi sáng trước giờ học hay buổi chiều sau giờ học ; mỗi bài từ 15 đến 30 phút. Mỗi tuần 2 giờ.

Lớp Nhất (Nữ-sinh)

Thể-dục và trò chơi : buổi sáng trước giờ học, hay buổi chiều sau giờ học ; mỗi bài từ 15 đến 30 phút. Mỗi tuần : 2 giờ.

B) CHƯƠNG-TRÌNH (Bộ Quốc-gia Giáo-dục : chương trình ấn hành ngày 19-7-1959).

Lời chỉ dẫn của bộ Quốc-gia Giáo-dục :

Môn thể-dục ở bậc Tiểu-học phải được coi quan-trọng như các môn học khác : toán, chính-tả ... Vì trong một nền giáo-dục đầy đủ không thể chỉ có phần trí-dục và đức-dục thôi.

Từ nay, giáo-viên, không nên coi thể-dục là môn phụ thuộc muốn dạy cách nào tùy ý. Ai ai cũng phải biết dạy và dạy được môn này mỗi ngày dưới sự chăm nom của thầy cô về thể-dục cho trẻ-con, coi những cách ngồi của trẻ trong lớp, lúc giờ chơi, (nếu cần chỉ cách chơi). Thể-dục ở trường tiểu-học phải có mục-đích : làm nở nang cơ-quan hô-hấp, (lồng-ngực), chữa những bộ-tịch không hợp cách, phát-triển sức lực, sự khéo léo và tính nhanh nhẹn của trẻ.

Muốn đạt được kết quả mong muốn giáo-viên phải :

— Soạn bài kỹ càng dựa vào định-luật của sinh-lý-học, biết thuận ứng với khả-năng của trẻ :

— Đứng cho trẻ dùng sức quá độ.

— Tránh những bài khó khăn, buồn tẻ, về thể-dục, với trẻ con phải diễn trong bầu không-khí vui-vẻ, không có

tánh cách bắt buộc, thích hợp với cuộc giải-lao (caractère récréatif).

Nên nhớ: Sự hô-hấp phải « ăn rập » với cử-động để trẻ bớt mệt và phải khỏi trái với luật Tạo-hóa.

Trừ những trẻ được thầy thuốc chứng nhận miễn, trò nào cũng phải tập thể-dục.

Tập thể-dục buổi sáng hoặc buổi chiều (trước, hoặc hai giờ sau bữa ăn).

Tập thể-dục phải ở nơi thoáng khí, rộng rãi. Lúc tập chỉ mặc quần đùi; nếu vì thời tiết, phải mặc áo, thì áo ấy đừng làm trở ngại việc cử động.

Vì sân ướt, vì trời mưa, bài tập thể-dục có thể diễn trong lớp, các cửa mở rộng ra.

Sau buổi tập thể-dục, trẻ cần được tắm liền trước khi về là tốt nhất.

Phương-pháp áp-dụng là phương-pháp tự-nhiên vì:

— Phương-pháp này khi đã chú ý đến tánh tự-nhiên hiếu-động của trẻ, được trẻ thích và hăng-hái dự vào.

— Phương-pháp này rèn trẻ chịu đựng với nắng mưa. Muốn thiết thực, phải sống với cảnh thiên-nhiên nơi mà trẻ được tự-do hoạt-động, chớ không phải như khi chúng ở gia-đình và nơi trường sở.

— Khi tập ở nơi thoáng-khí, trẻ sẽ được tắm ánh nắng mặt trời và nhờ thế trẻ sẽ được tráng-kiện.

— Nếu trẻ được tự-do hoạt-động, giờ tập thể-dục sẽ linh-động.

Mỗi bài tập có hai phần.

1^o) Một phần căn-bản không thay đổi gồm những động-tác lựa sẵn, nhằm về sự nở-nang chung hoặc những kết-quả lâu ngày mới có được, như cường-kiện gân bụng và lưng...

2^o) Một phần thay đổi tùy khả năng học-sinh, phương-tiện, thời-gian và tùy-theo cường-độ của động-tác.

Bài tập về phương-pháp tự-nhiên là một quãng đường dài hoặc ngắn trong đó trẻ đi, bò, chạy, nhảy, leo trèo mang, vác, đánh, đỡ, bơi lội.

Sự chuyển-vận sẽ diễn, hoặc :

1^o) Trên một khoảng đất có dụng cụ sẵn gọi là sân tập.

2^o) Ngang đồng có cây cỏ, mương để leo trèo nhảy.

Chuyển-vận trên sân tập từng tốp một.

Tùy sức vóc, trẻ con sẽ được chia ra làm ba nhóm : khỏe, vừa và yếu.

Bài tập thể-dục gồm có :

1^o) Khởi động : 2/10 thời giờ toàn thể.

2^o) Trọng động : 7/10 thời giờ toàn thể.

3^o) Hồi tĩnh : 1/10 thời giờ toàn thể.

Bản chia độ học-sinh :

ĐỘ	TUỔI	THỜI GIAN BÀI TẬP	CƯỚC CHÚ
Độ I	6 — 8	15 — 20 phút	
Độ II	8 — 10	20 — 25 phút	
Độ III	10—12	25 — 30 phút	

Chương - trình

Độ I : (6 tới 8 tuổi) trai và gái.

— Đi, chạy, ca hát.

— Cử động bắt chước, nhảy múa, thăng bằng, ném bóng nhẹ.

— Cử động về gân, bụng và lưng, nằm hay ngồi.

— Trò chơi nhỏ về giáo-dục giác-quan, về một « đề » nào.

— Cử-động về thở.

Độ II : (8 tới 10 tuổi) trai và gái.

— Các cử-động tự nhiên làm nảy nở sự khéo léo, tánh nhanh nhẹn, các cử-động về trật-tự, về sửa chữa.

— Cử-động về thở.

— Trò chơi có tính-cách toàn đội hoặc về một « đề » nào.

Độ III : (10 đến 12 tuổi) trai và gái.

— Bài tập chỉ dẫn và bài tập đầy đủ trên sân.

— Bài tập trên một quãng sân có nhiều vật.

— Khởi sự dạy võ lòng về thể-thao (chạy nhanh, tiếp sức, nhảy cao có lấy trôn).

— Vài trò chơi lớn.

— Thể-dục về sửa chữa.

— Tập lợi.

Mỗi tuần lễ nên dành riêng một buổi tập các trò chơi nhỏ cho hạng thơ-ấu, hay các trò chơi lớn hoặc bài tập trước cảnh thiên nhiên cho hạng thiếu-niên, hoặc một buổi tập lợi, nếu có thể được.

Chú-ý : Riêng về các nữ-sinh nên tập những cử-động nhịp nhàng, mềm dẻo và tránh những cử-động quá nặng:

Chạy : đoạn đường ngắn (chạy mau thôi).

Nhảy : cao (hơn dài).

Mang vác : dễ.

Đánh đỡ : bỏ hẳn (thay thế vào cử-động nhịp nhàng).

Ném : vật nhẹ, nhồi bắt.

Thăng bằng : tốt cho dáng-diệu.

Bò : làm cứng gân bụng.

Phần gìn giữ ; nhấn mạnh cử-động làm cường kiện gân bụng và lưng.

Mẫu một bài tập thể-duc đầy đủ.

Vào bài + tập hợp — đi và hát.

I — *Khởi động* : đi chạy, hợp với cử-động sửa chữa.

II — *Trọng-động*

a) Phần gìn giữ.

— Bộ tịch căn bản.

— Bụng.

— Thở.

b) Phần tự nhiên : Những động-tác giáo hóa hoặc thực-hành về các loại : đi, chạy, nhảy, bò, leo trèo, thăng bằng, ném, mang, vác, đánh đỡ, bơi lội.

— Một trò chơi.

c) Chạy dai sức.

III. — *Hồi tĩnh* : Đi, hát thở.

Giải tán : tiếng reo.

CÁC LOẠI BÀI TẬP

Căn cứ theo tính chất của bài tập và mục-dịch theo đuổi, ta có thể chia bài tập ra làm bốn hạng :

1^o) *Bài tập chỉ dẫn* : có mục đích ;

— Gây cho người tập một ý niệm về sự vận-động và các cách hoạt-động trên sân.

— Chỉ dẫn cho người tập thực-hành cử-động một cách hoàn toàn.

— Chỉ dẫn thêm các cử-động mới.

2^o) *Bài tập đầy đủ* : là bài tập gồm các vận-dộng phối hợp và phân tách để làm nảy nở tổng-quát các khả năng thể-chất, đồng thời làm tăng cường các đức-tính tinh-thần. Sự thực-hành phải tôn trọng ở luật điều-khiển, liên-tiếp tiến-triển luân-phiên, hấp-dẫn, định phân-cường-độ.

3^o) *Tập giảm bớt* : Nhằm vào khuyết-diểm của người tập về phương-diện nào để bổ-sung khuyết-diểm đó bằng cách bớt một hay nhiều loại cử động trong bài để thêm vào đó những loại mà người tập còn kém.

4^o) *Bài tập hỗn-hợp* : Vừa chỉ-dẫn, vừa giảm bớt hoặc vừa chỉ-dẫn, vừa đầy-dủ.

Bài này chỉ dùng khi người tập thể dục đã quen với sự tập luyện (vào khoảng từ nửa năm trở đi).

C) SỰ ÍCH LỢI CỦA MÔN THỂ-DỤC.

Ai ai cũng hiểu rằng : « Thân thể khỏe mạnh bao nhiêu thì sự làm việc về tinh-thần càng bền bỉ bấy nhiêu ». Các nhà hiền-triết Hy-lạp cũng đã nói : « Một tinh-thần tráng-khiến trong một cơ-thể tráng-khiến ». Ấy thế mà từ lâu, thể-dục bị bỏ rơi. Mãi đến thời-kỳ gần đây người ta mới nhận thấy sự quan-trọng của nó. Ngày nay, chương-trình học gồm nhiều môn quá khiến trí óc trẻ con phải làm việc rất nhiều. Sau mấy giờ học, tâm-trí trẻ con rất mỏi mệt. Chúng cần nghỉ-ngơi. Sự nghỉ ngơi ấy được thay thế bằng sự tập thể-thao trong đó có sự tập thở là rất cần-thiết. Thứ đến là sự đi đứng, các cử-động và các cuộc chơi. Lại nữa, khi lớn lên, đúng 18 tuổi trẻ con sẽ phải làm phận-sự công-dân : Chúng phải đi lính. Nếu toàn thể thanh-niên đều yếu đuối, bạc-nhược thì đó là một tai-hại cho nước nhà khi có nạn ngoại-xâm. Vậy một dân-tộc cần phải mạnh khỏe để bảo-vệ đất nước. Xem như

thể thì mỗi cá-nhân phải khỏe để làm được việc vừa cho mình, vừa cho Quốc-gia xã-hội. Muốn được vậy, cá-nhân cần phải tập thể-dục. Các nữ học-sinh cũng thế. Tùy theo cơ-thể và trường-hợp, chúng cũng cần tập thể-dục như nam học-sinh. Có câu: « Đàn bà khỏe mạnh thì giống nòi cường tráng ».

D) TẠI SAO ĐÃ TỪ LÂU MÔN THỂ-DỤC KHÔNG ĐƯỢC ĐA SỐ GIÁO-VIÊN, GIÁO-SƯ ƯA THÍCH ?

Sở-dĩ phần đông nam-nữ giáo-chức không thích thể-dục là vì các lý-do sau đây.

1^o) Ở trong đồng, mỗi ngày học-sinh phải bốn lần đi và về, tổng cộng có đến mấy chục cây số ngàn thì có cuộc tập thể-dục nào hơn được ? Lại nữa, ở trong gia-đình, trẻ con phải làm việc lật vật luôn để giúp cha mẹ thì đó là thể-dục rồi.

2^o) Môn Thể-dục thời xưa thường được trình bày với những thể-cụ (dụng-cụ tập: = les agrès) và người ta lầm tưởng rằng : không thể-cụ là không phải Thể-dục.

Nhiều nam nữ giáo-chức không có khả-năng áp-dụng các thể-cụ ấy cho nên không thích thể-dục là vậy.

Ngày nay, quan-niệm thể-dục không phải như thế nữa. Theo quan-niệm hiện thời, Thể-dục phải là một môn cần ích cho mọi người, vừa sức mọi người, bất luận nam hay nữ, già hay trẻ.

E) CÁC PHƯƠNG-PHÁP THỂ-DỤC ĐƯỢC TRÌNH BÀY TỪ TRƯỚC ĐẾN NAY.

Có sáu phương-pháp thể-dục được lần-lượt trình bày từ trước đến nay như sau :

1^o) **Thể-dục Pháp-lan-tây** (Gymnastique française): Loại thể-dục này đã được đại-tá Amoros, người Tây-ban-nha nhập Pháp-tích, đề xướng lên năm 1814. Cùng lúc ấy

thì bên nước Phổ-lỗ-sĩ, nhà thể-dục John đê-xương lên một môn thể-dục với một biểu-ngữ táo-bạo : « Kẻ nào chống lại được đối phương là sống ». Và ông chủ trương áp-dụng loại thể-dục này trong sự đào-luyện quân-sĩ Phổ-lỗ-sĩ.

Trái lại, quan-niệm Thể-dục của đại tá Amoros có nhân đạo hơn. Theo ông, thì : *« Thể-dục là một môn khoa-học để suy luận các cử động của con người, tìm ra sự liên-lạc của các cử động của con người, tìm ra sự liên-lạc của các cử động ấy với ngũ quan, với trí khôn, với phong tục và sự phát triển các năng-khiếu của con người. »*

Theo quan-niệm ấy, môn Thể-dục gồm có các sự luyện-tập có mục-đích làm cho cá-nhân trở nên can đảm, không sợ chết, mạnh-mẽ, khéo-léo, nhậm-ley, dịu-dàng hầu giúp Chính-phủ và nhân loại được nhiều việc.

« Làm cho con người mạnh-mẽ và tốt đẹp về tinh-thần ». Đó là mục-đích tối cao của Thể-dục Amoros.

Bắt đầu, môn thể-dục Amoros được áp-dụng cho các học-đường sơ-tiểu, trung học và các quân sĩ.

Các cử động đều luôn luôn có nhịp nhàng và có nhạc hòa theo. Lúc đầu giản-dị, các cử động ấy lần lần trở nên khó. Đối với lớp các học-sinh giỏi thì các cuộc tập-luyện lại càng khó thêm lên với những thể-cụ đặc-biệt khiến nên người thường không thể tập được. Các cuộc tập luyện ấy cốt làm cho các bắp gân trở nên cứng rắn, cá-nhân trở nên can-đảm, có con mắt rất tinh để xem xét mọi việc một cách bình tĩnh và lúc nào cũng làm chủ lấy mình.

Sau lâu ngày, các môn-đệ của đại tá Amoros lại làm thái quá khiến cho môn thể-dục này mất tánh cách phổ-thông để trở thành « Lực-sĩ thuật ». Từ đó trở đi. Số người hám-mộ càng ngày càng ít dần.

Môn Thể-dục Amoros có ba nhược điểm như sau :

a) Có nhiều sự tập - luyện khó khăn dành riêng cho những lực-sĩ.

b) Môn thể-dục này chỉ dành riêng cho một số người có khiếu lực-sĩ.

c) Môn Thể-dục này căn-cứ ở kinh-nghiệm mà không căn-cứ ở những nguyên-tắc khoa-học.

Bởi thế, tập-luyện theo môn Thể-dục này thì người ta chỉ được những thắng lợi bề ngoài mà cơ-thể bên trong không thể cải thiện được.

2^o) Phương-pháp của trường Joinville.

Trường thể-thao võ-bị Joinville do các môn-đệ của đại tá Amoros lập lên, áp-dụng một phương-pháp luôn luôn sửa đổi, cải-thiện.

Áp-dụng cho trẻ từ 5 đến 15 tuổi (bậc sơ-đẳng) phương-pháp thể-dục này nhằm sự cải-thiện sức-khỏe, sự phát-triển tự-nhiên các tạng-phủ của thân-thể, nhất là bộ máy hô-hấp và sự cải-thiện và điều hòa bộ máy thần-kinh. Các bài dạy đều luôn luôn đổi mới, tuần-tự nhi tiến và vui thích. Các cử-động gồm những sự bắt chước : Thi-dụ : Người lính chữa lửa, người giựt chuông v.v... và các trò chơi công-cộng cốt-yếu khai mở các giác-quan như : mắt, tai, da, vân vân.

Các cử-động rất dịu-dàng, khéo, nhằm sự sửa chữa bộ tịch của cá-nhân chớ không có sự hòa-nhịp của toàn-thể như thuở trước.

Bác-sĩ hiệp với giáo-sư môn Thể-dục đề lập thành thể Vệ-sinh.

Phương-pháp Joinville, từ bậc trung-bình đến bậc thường còn giữ tinh-cách giáo-dục của nó. Nhờ những sự tập-luyện phù-hợp với tuổi tác, phương-pháp này đã giúp

học-sinh trở nên mạnh mẽ, chịu đựng, bền bỉ, và rất can-đảm (không sợ chết).

3^o) Phương-pháp Thụy-Điền (Méthode Suédoise).

Phương-pháp thể-dục này do nhà thể-dục Ling, sĩ-quan Thụy-điền đề-xướng lên đồng-thời với phương-pháp Thể-dục Amoros ở Pháp và phương-pháp Thể-dục John ở Đức.

Phương-pháp thể-dục này không có những khuyết-điểm của phương-pháp Amoros, và được đại-chúng hoan-nghinh. Những đặc-sắc của môn Thể-dục này là :

a) Nhìn nhận những cử-động giản-dị và dễ làm là cần-ích. Dùng một số rất ít thể-cụ. Cử-trương sự chọn lọc các cử-động vì không phải tất cả cử-động là cần-ích.

b) Môn Thể-dục này bất cứ ai (nam, phụ, lão, ấu) cũng tập được. Nó gồm hai phần :

Thể-dục sư-phạm hay là thể-dục giáo-dục (Gymnastique pédagogique ou gymnastique éducative) dành cho những cá-nhân mạnh khỏe, nam lẫn nữ.

Thể-dục y-tế hay là thể-dục sửa-chữa thân-thể cho ngay chính (gymnastique médicale ou orthopédique) có mục-đích sửa chữa một số căn bệnh và một số tật của thân-thể.

c) Phương-pháp Thụy-điền là phương-pháp khoa-học căn-cứ vào khoa Giải-phẫu và khoa Sinh-lý. Nó can-hệ đến tất cả thành-phần của cơ-thể. Mục-đích của phương-pháp này là : làm nở nang cái ngực và các dây gân của xương-sống.

Các cử-động theo phương-pháp này không táo-bạo « Sức mạnh đến với chúng ta trong khi mà chúng ta không hay ».